

CHƯƠNG 10

CHÍNH SÁCH CẠNH TRANH

MỤC A: HÀNH VI PHẢN CẠNH TRANH

ĐIỀU 10.1

Các nguyên tắc

Các Bên công nhận tầm quan trọng của cạnh tranh không bị làm sai lệch trong quan hệ thương mại và đầu tư giữa các Bên. Các Bên thừa nhận rằng hành vi phản cạnh tranh có khả năng làm sai lệch sự vận hành đúng đắn của thị trường và làm suy giảm lợi ích của tự do hóa thương mại.

ĐIỀU 10.2

Khuôn khổ pháp lý

1. Các Bên phải áp dụng hoặc duy trì pháp luật cạnh tranh toàn diện nhằm cấm hành vi phản cạnh tranh, với mục tiêu thúc đẩy hiệu quả kinh tế và phúc lợi người tiêu dùng, và phải có những hành động thích đáng đối với các hành vi đó.
2. Trong phạm vi lãnh thổ tương ứng của mỗi Bên, pháp luật cạnh tranh phải xử lý một cách hiệu quả:
 - (a) thỏa thuận giữa các doanh nghiệp, quyết định của hiệp hội doanh nghiệp và các hành vi phối hợp có mục đích hoặc tác động ngăn cản, hạn chế hoặc làm sai lệch cạnh tranh;
 - (b) hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh của một hoặc nhiều doanh nghiệp; và tập trung quyền lực giữa các doanh nghiệp gây cản trở đáng kể đến cạnh tranh hiệu quả.

ĐIỀU 10.3

Thực hiện

1. Mỗi Bên phải duy trì quyền tự chủ trong xây dựng và thực thi luật cạnh tranh của mình.
2. Mỗi Bên phải duy trì các cơ quan chịu trách nhiệm áp dụng đầy đủ và thực thi có hiệu quả pháp luật cạnh tranh, và đảm bảo rằng các cơ quan được trang bị phù hợp và có quyền hạn cần thiết để thực hiện trách nhiệm của mình.
3. Tất cả các doanh nghiệp tư nhân hoặc doanh nghiệp nhà nước đều là đối tượng của luật cạnh tranh theo Điều 10.2 (Khuôn khổ pháp lý).

4. Mỗi Bên phải áp dụng pháp luật cạnh tranh một cách minh bạch và không phân biệt đối xử đối với cả doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp nhà nước, tôn trọng các nguyên tắc công bằng trong tổ tụng và quyền được bảo vệ của doanh nghiệp liên quan.
5. Việc áp dụng pháp luật cạnh tranh không được cản trở việc thực thi, theo luật hoặc trong thực tế, các nhiệm vụ công ích cụ thể được giao cho doanh nghiệp. Các miễn trừ áp dụng pháp luật cạnh tranh của một Bên phải được giới hạn trong phạm vi nhiệm vụ công ích, tương ứng với mục tiêu chính sách công mong muốn và phải minh bạch.

MỤC B TRỢ CẤP

ĐIỀU 10.4

Các nguyên tắc

1. Các Bên đồng ý rằng một Bên có thể cung cấp các khoản trợ cấp khi cần thiết nhằm đạt được một mục tiêu chính sách công. Các Bên thừa nhận rằng, một số loại trợ cấp nhất định có khả năng làm sai lệch sự vận hành đúng đắn của thị trường và làm suy giảm các lợi ích của tự do hóa thương mại. Về nguyên tắc, một Bên không nên trợ cấp cho các doanh nghiệp cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ trong trường hợp các khoản trợ cấp này có tác động tiêu cực, hoặc có khả năng gây tác động tiêu cực đến cạnh tranh và thương mại.
2. Dưới đây là một danh mục mang tính chất minh họa các mục tiêu chính sách công mà một Bên có thể trợ cấp theo các điều kiện quy định trong Mục này:
 - (a) khắc phục thiệt hại do thiên tai hay các sự kiện bất thường gây ra;
 - (b) thúc đẩy sự phát triển kinh tế của các khu vực có tiêu chuẩn sống thấp bất thường hoặc nơi có tình trạng thiếu việc làm nghiêm trọng;
 - (c) khắc phục sự xáo trộn nghiêm trọng trong nền kinh tế của một trong các Bên;
 - (d) tạo thuận lợi cho sự phát triển của các hoạt động kinh tế hoặc các khu vực kinh tế nhất định, bao gồm nhưng không giới hạn ở các khoản trợ cấp dành cho các mục đích nghiên cứu, phát triển và sáng tạo được xác định rõ ràng, trợ cấp cho đào tạo hoặc tạo công ăn việc làm, trợ cấp vì mục đích môi trường, trợ cấp ưu đãi cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định pháp luật tương ứng của các Bên; và
 - (e) thúc đẩy bảo tồn văn hóa và di sản.

3. Mỗi Bên phải đảm bảo rằng các doanh nghiệp chỉ sử dụng trợ cấp riêng do một Bên cung cấp theo mục tiêu chính sách của khoản trợ cấp riêng đó³⁹.

ĐIỀU 10.5

Định nghĩa và phạm vi

1. Theo mục đích của Mục này, “trợ cấp” là một biện pháp đáp ứng các điều kiện được quy định tại Điều 1.1 Hiệp định SCM, bất kể được cấp cho một doanh nghiệp sản xuất hàng hóa hay cung ứng dịch vụ⁴⁰.
2. Mục này chỉ áp dụng đối với trợ cấp là trợ cấp riêng theo quy định tại Điều 2 Hiệp định SCM. Trợ cấp cho người tiêu dùng cá nhân hoặc các biện pháp áp dụng chung, bao gồm trợ cấp và các biện pháp nhằm đạt được mục tiêu chính sách xã hội, không được coi là trợ cấp riêng.
3. Mục này áp dụng đối với trợ cấp riêng dành cho tất cả các doanh nghiệp, bao gồm doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân.
4. Việc áp dụng các quy định trong Mục này không được gây cản trở việc thực hiện, theo luật hoặc trong thực tế, các nhiệm vụ công ích cụ thể, bao gồm các nghĩa vụ cung cấp dịch vụ công, được giao cho doanh nghiệp có liên quan. Các miễn trừ nên được giới hạn trong phạm vi nhiệm vụ công ích, tương ứng với các mục tiêu chính sách công được giao và phải minh bạch.
5. Mục này không áp dụng đối với hoạt động phi kinh tế.
6. Khoản 1 Điều 10.9 (Trợ cấp riêng có điều kiện) không áp dụng đối với trợ cấp thủy sản và các trợ cấp liên quan đến thương mại hàng hoá nằm trong Phụ lục 1 Hiệp định về Nông nghiệp.
7. Mục này chỉ áp dụng đối với các khoản trợ cấp riêng với khoản tiền mà mỗi đối tượng thụ hưởng vượt quá 300.000 SDR (quyền rút vốn đặc biệt) trong thời gian 3 năm⁴¹.
8. Về trợ cấp cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ, Điều 10.7 (Minh bạch hóa) và Điều 10.6 (Trợ cấp riêng có điều kiện) chỉ áp dụng đối với các ngành dịch vụ sau đây: viễn thông, ngân hàng, bảo hiểm, vận tải bao gồm hàng hải, năng lượng, dịch vụ máy tính, kiến trúc và cơ khí, dịch vụ xây dựng và môi trường, tùy thuộc vào các bảo lưu trong Chương 8 (Tự do hoá đầu tư, Thương mại dịch vụ và Thương mại điện tử).
9. Mục này không áp dụng đối với các ngành hoặc phân ngành mà các Bên không liệt kê trong Chương 8 (Tự do hoá đầu tư, thương mại dịch vụ và thương mại điện tử).

³⁹ Để rõ ràng hơn, khi một Bên ban hành các khuôn khổ pháp lý và thủ tục hành chính có liên quan đến vấn đề này, nghĩa vụ này được coi là hoàn thành.

⁴⁰ Điều khoản này không ảnh hưởng đến quan điểm của các Bên và các kết quả có thể có trong các cuộc thảo luận trong tương lai tại WTO về trợ cấp đối với dịch vụ. Tùy thuộc vào tiến triển của các cuộc thảo luận ở cấp WTO, các Bên có thể áp dụng quyết định của một ủy ban liên quan để cập nhật Hiệp định về vấn đề này.

⁴¹ Để rõ ràng hơn, nghĩa vụ thông báo không yêu cầu Bên thông báo phải cung cấp tên đối tượng thụ hưởng trợ cấp.

10. Điều 10.9 (Trợ cấp riêng có điều kiện) không áp dụng đối với trợ cấp được chính thức chấp thuận hoặc được cấp trước hoặc trong vòng 5 năm kể từ khi Hiệp định này có hiệu lực.

ĐIỀU 10.6

Mối quan hệ với WTO

Các quy định tại Mục này được áp dụng nhưng không được ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của mỗi Bên theo Điều VI Hiệp định GATT 1994, Hiệp định SCM và Hiệp định về Nông nghiệp.

ĐIỀU 10.7

Minh bạch hóa

1. Mỗi Bên phải bảo đảm tính minh bạch đối với các khoản trợ cấp riêng. Để thực hiện điều này, sau mỗi 4 năm, mỗi Bên phải thông báo cho Bên kia về cơ sở pháp lý, hình thức, khoản tiền trợ cấp hoặc ngân sách và nếu có thể, đối tượng tiếp nhận trợ cấp riêng.⁴²
2. Nghĩa vụ thông báo nêu tại khoản 1 được coi là hoàn thành nếu Bên đó công bố thông tin liên quan trên một trang web có thể truy cập một cách công khai, kể từ ngày 31 tháng 12 của năm dương lịch sau năm cấp trợ cấp. Thông báo đầu tiên phải được thực hiện không muộn hơn 4 năm kể từ khi Hiệp định này có hiệu lực.

ĐIỀU 10.8

Tham vấn

1. Khi một Bên cho rằng một khoản trợ cấp riêng do Bên kia cấp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Điều 10.9 (Trợ cấp riêng có điều kiện), có ảnh hưởng tiêu cực, hoặc có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến lợi ích thương mại hoặc đầu tư của mình, Bên đó có thể bày tỏ quan ngại dưới hình thức văn bản gửi đến Bên kia và yêu cầu tham vấn về vấn đề này. Bên được yêu cầu phải xem xét thỏa đáng yêu cầu đó. Việc tham vấn cần nhằm xác định liệu:
 - (a) khoản trợ cấp riêng đó chỉ được cấp nhằm đạt mục tiêu chính sách công hay không;
 - (b) số tiền trợ cấp có được hạn chế ở mức cần thiết tối thiểu để đạt được mục tiêu này hay không;
 - (c) khoản trợ cấp có tạo động lực hay không; và
 - (d) giới hạn ảnh hưởng tiêu cực đến thương mại và đầu tư của Bên yêu cầu hay không.

⁴² Để rõ ràng hơn, trách nhiệm thông báo không yêu cầu Bên thông báo cung cấp tên của doanh nghiệp thụ hưởng trợ cấp.

2. Để tạo thuận lợi cho việc tham vấn, Bên được yêu cầu phải cung cấp thông tin về khoản trợ cấp riêng đó trong thời hạn không quá 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Sau khi nhận được thông tin về khoản trợ cấp đó, nếu Bên yêu cầu nhận thấy rằng khoản trợ cấp liên quan trong quá trình tham vấn gây ra hoặc có thể gây ra tác động tiêu cực đến lợi ích thương mại và đầu tư của Bên yêu cầu một cách không cân xứng, Bên được yêu cầu phải nỗ lực hết sức để loại bỏ hoặc giảm thiểu các tác động tiêu cực này.

ĐIỀU 10.9

Trợ cấp riêng có điều kiện

1. Các Bên phải áp dụng điều kiện cho các khoản trợ cấp riêng như sau:
 - (a) được phép có một thỏa thuận pháp lý theo đó một cơ quan nhà nước hoặc một cơ quan công quyền có trách nhiệm trang trải các khoản nợ hoặc nghĩa vụ của các doanh nghiệp nhất định với điều kiện phạm vi của các khoản nợ và nghĩa vụ đó được giới hạn về số lượng và thời hạn thực hiện trách nhiệm;
 - (b) hỗ trợ doanh nghiệp phá sản hoặc đang gặp khó khăn với các hình thức khác nhau, chẳng hạn như cho vay, bảo lãnh, trợ cấp tiền mặt, cấp vốn, cung cấp tài sản dưới giá thị trường và miễn giảm thuế, có thời hạn trên 1 năm là được phép với điều kiện phải chuẩn bị một kế hoạch tái cơ cấu đáng tin cậy dựa trên các giả định thực tế, nhằm mục đích bảo đảm sự phục hồi của doanh nghiệp đó trong khoảng thời gian hợp lý để có thể tồn tại lâu dài và với sự đóng góp chi phí tái cơ cấu của chính doanh nghiệp đó.⁴³
2. Khoản 1 không áp dụng đối với các khoản trợ cấp riêng mà Bên trợ cấp sau khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của Bên kia, đã chứng minh rằng khoản trợ cấp đó không ảnh hưởng hoặc không có khả năng ảnh hưởng đến thương mại và đầu tư của Bên kia.
3. Khoản 1 không áp dụng đối với các khoản trợ cấp riêng được cấp nhằm khắc phục sự xáo trộn nghiêm trọng trong nền kinh tế của một Bên. Sự xáo trộn trong nền kinh tế của một Bên được coi là nghiêm trọng nếu nó mang tính chất đặc biệt, tạm thời, đáng kể và ảnh hưởng đến các quốc gia thành viên Liên minh Châu Âu hoặc toàn bộ nền kinh tế của một Bên chứ không chỉ một vùng hoặc một ngành kinh tế nhất định.

⁴³ Điều này không ngăn cản các Bên cung cấp hỗ trợ thanh khoản tạm thời dưới hình thức bảo lãnh vốn vay hoặc cho vay khoản tiền cần để duy trì hoạt động của doanh nghiệp trong khoảng thời gian cần thiết để xây dựng kế hoạch tái cấu trúc hoặc giải thể.

ĐIỀU 10.10

Rà soát

Các Bên phải rà soát Mục này không muộn hơn năm năm kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực và sau đó tiến hành rà soát theo định kỳ. Các Bên phải tham vấn lẫn nhau về sự cần thiết phải sửa đổi Mục này dựa trên kinh nghiệm có được và theo sự phát triển của bất kỳ quy định tương ứng nào trong khuôn khổ WTO. Cụ thể, các Bên sẽ rà soát việc bổ sung các ngành dịch vụ thuộc phạm vi của Mục này theo Điều 10.5 (Định nghĩa và Phạm vi).

MỤC C

CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC CHUNG

ĐIỀU 10.11

Các định nghĩa

Theo mục đích của Chương này:

- (a) “mục tiêu chính sách công” là mục tiêu chung nhằm đạt được lợi ích công tổng thể; và
- (b) “nhiệm vụ công ích” là hoạt động cụ thể nhằm đạt được lợi ích công tổng thể mà thị trường không thể cung cấp hoặc chỉ có thể cung cấp với các điều kiện khác nhau về khả năng tiếp cận, chất lượng, tính an toàn, khả năng chi trả hoặc đối xử bình đẳng mà không có sự can thiệp của khu vực công.

ĐIỀU 10.12

Bảo mật

1. Trong quá trình trao đổi thông tin theo quy định của Chương này, các Bên phải xem xét các hạn chế được quy định theo pháp luật tương ứng liên quan đến bí mật chuyên môn và bí mật kinh doanh và phải đảm bảo việc bảo vệ bí mật kinh doanh và các thông tin mật khác.
2. Bên tiếp nhận thông tin phải bảo mật bất cứ thông tin nào được trao đổi theo thoả thuận này trừ trường hợp Bên kia cho phép tiết lộ hoặc công khai.

ĐIỀU 10.13

Giải quyết tranh chấp

Không bên nào được yêu cầu giải quyết tranh chấp theo Hiệp định này đối với bất kỳ vấn đề nào phát sinh tại Mục A (Hành vi phản cạnh tranh) của Chương này và Điều 10.8 (Tham vấn).

ĐIỀU 10.14

Hợp tác

Để hoàn thành các mục tiêu của Chương này và nhằm tăng cường thực thi pháp luật cạnh tranh có hiệu quả, các Bên thừa nhận rằng việc tăng cường hợp tác về phát triển chính sách cạnh tranh, bao gồm kiểm soát trợ cấp, là vì lợi ích chung, tùy thuộc vào sự sẵn có của nguồn tài trợ theo các công cụ và chương trình hợp tác của các Bên.